MÁY PHÂN TÍCH VÀ QUE THỬ NƯỚC TIỂU Mission®

Kết quả đo chính xác và hiệu quả kinh tế với Máy phân tích và Que thử nước tiểu Mission®!

- CHUYÊN NGHIỆP, HIỆU QUẢ
- CHÍNH XÁC, TIN CẬY
- ĐƠN GIẢN, TIỆN LỢI
- CHÍNH SÁCH GIÁ RẤT HẤP DẪN

Mission®

MỚI và DUY NHẤT!

ĐÓNG GÓI MỖI QUE THỬ TRONG MỘT TÚI RIÊNG NẾU CÓ NHU CẦU!

CE Marked for sale in the European Community
Cleared for US 510(k)

CE

Sản phẩm đạt chuẩn và lưu hành tại Cộng Đồng Chung Châu Âu
Sản phẩm đạt chuẩn và lưu hành tại Mỹ

ACON®

Global Diagnostics for Local Markets™

MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU Mission® U500

Mission® U500

CHÍNH XÁC & HIỆU QUẢ

- Tốc độ đo tới 500 lần/giờ, rất hiệu quả đối với các phòng khám/ bệnh viện lớn và trung bình
- Độ chính xác cao, chuyên nghiệp hơn hẳn trên thị trường
- Máy tự động phát hiện, sắp hàng và đưa que thử vào máy để đo
- Ba tình huống đo khác nhau: Đo thông thường (Routime), Đo Khẩn cấp (STAT) và Đo Kiểm định chất lượng (QC) giúp tránh nhầm lẫn giữa các nhóm dữ liệu

TIỆN LỢI

- Tự động đo và đẩy que đã đo vào thùng rác giúp kỹ thuật viên hạn chế tối đa các thao tác bằng tay
- Mỗi máy đọc được 4 loại que thử (mặc định sẵn) với các kiểu tích hợp thông số khác nhau
- Bộ nhớ lưu được 2,000 kết quả đo và tự động đánh dấu các kết quả bất thường
- Có khả năng in kết quả trên giấy để can (cuộn), dán trên hồ sơ bệnh nhân, giúp quản lý dữ liệu dễ dàng

SỬ DỤNG ĐƠN GIẢN

- Màn hình cảm ứng LCD cho phép điều khiển đơn giản và nhanh chóng, nhập lệnh trực tiếp trên màn hình
- Bàn trượt que thử thiết kế liền thùng rác, rất thuận lợi cho vệ sinh máy

QUẢN LÝ DỮ LIỆU

- Kết nối dễ dàng với máy tính hoặc Hệ thống dữ liệu phòng khám (LIS) qua cổng RS232C để truyền dữ liệu
- Thuận tiện quản lý bệnh nhân (ID) bằng Đầu đọc mã vạch (Barcode)

Thông số kỹ thuật của máy Mission® U500

Nội dung	Đặc tính kỹ thuật	Nội dung	Đặc tính kỹ thuật
Loại máy	Bán tự động	Cổng kết nối	Cổng RS232C kết nối với Đầu đọc mã vạch/ Truyền dữ liệu
Phương pháp đo	Phản xạ quang học	Khả năng phối hợp với các thiết bị khác	Cổng song song 25-pin để kết nối máy in ngoài Bộ phận in nhiệt của máy (gắn liền trong máy) Đầu đọc mã vạch RS232C (tùy chọn) Máy in ngoài (không đi kèm theo máy) Cáp truyền dữ liệu RS232C (tùy chọn)
Phương pháp dò	Diode cảm ứng quang học		
Tốc độ đo	500 lần đo/giờ (chu kỳ đo: 7 giây/lần)		
Các cách đo	Thông thường, Khẩn cấp và Kiểm định chất lượng		
Bộ nhớ	2,000 kết quả đo cuối cùng		
Thời gian chờ lên màu	1 phút (que thử lên màu sau khi nhúng vào mẫu nước tiểu)	Các mã vạch chính	UPC-A, UPC-E, EAN 8, EAN 13 Code 128, Code 39, Codabar (NW-7), Interleaved 25,
Bước sóng	525 và 635 nm		
Loại que thử chuẩn	4, 5, 10, 11 thông số: Xem phần que thử	Điều kiện làm việc	0-40°C (32-104°F); <85% RH
Loại que thử tùy chọn	1-11 thông số (5mmx110mm): Xem phần que thử	Điều kiện bảo quản	-5-50°C (23-122°F); <90% RH
Số loại que thử cho 1 máy	4 loại	Nguồn điện	100-240 VAC, 50-60Hz
Dung lượng thùng rác	Khoảng 150 que thử đã sử dụng	Kích thước máy	36.6cm x 28.3cm x 19.5cm (14.4" x 11.1" x 7.7")
Chuẩn định và đo	Tự động	Kích thước màn hình	11.5cm x 9.0cm (4.5" x 3.5")
Ngôn ngữ máy	Tiếng Anh và một ngôn ngữ khác	Trọng lượng	4.0 kg (8.8 lbs)

Thông tin về sản phẩm

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Thành phần	
Máy phân tích nước tiểu Mission U500	U211-101√	1 Máy phân tích nước tiểu/ 1 Khay bàn trượt liền thùng rác/ 2 Cuộn giấy in/ 2 Cầu chì/ 1 Cáp nguồn/ 1 Cáp nối chữ Y (RS232C)/ 1 Hướng dẫn sử dụng	
Máy phân tích nước tiểu Mission U500 kèm Đầu đọc mã vạch	U211-111√	1 Máy phân tích nước tiểu/ 1 Khay bàn trượt liền thùng rác/ 1 Đầu đọc mã vạch RS232C 2 Cuộn giấy in/ 2 Cầu chì/ 1 Cáp nguồn/ 1 Cáp nối chữ Y (RS232C)/ 1 Hướng dẫn sử dụng	
Đầu đọc mã vạch	U221-111√†	1 Đầu đọc mã vạch RS232C/ 1 Cáp nối chữ Y (RS232C)	
Giấy in (cuộn)	U121-101√†	4 Cuộn giấy in	Giấy in nhiệt (0.06m x 20m): 200 kết quả/cuộn
			Giấy in nhãn (để can)(0.06m x 9m): 100 kết quả/cuộn
Bộ truyền dữ liệu	U121-133√†	1 Cáp truyền dữ liệu/ 1 Hướng dẫn sử dụng	

√CE Marked for sale in the European Community
† Cleared for US 510(k)

CE Sản phẩm đạt chuẩn và lưu hành tại Cộng Đồng Chung Châu Âu
Sản phẩm đạt chuẩn và lưu hành tại Mỹ

Amedical®
ĐẠI DIỆN ĐỘC QUYỀN, NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM ACON TẠI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN Á CHÂU ■ Số 9 Lô 11A Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội ■ Tel: +84 4 37832446/ 37832447 ■ Fax: +84 4 37832448 ■ Hotline 24/24: +84 4 9190096
■ Email: info@amedical.com.vn ■ Website: www.amedical.com.vn

HONG THIEN MY, JSC. medical
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN KHU VỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ ■ 38/41/1 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM ■ VPGD: 436A/119 (số cũ 20/B96) Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM
■ Tel: +84 8 38634532/ 38620733 ■ Fax: +84 8 8630787 ■ Hotline 24/24: +84 8 38681959 ■ Email: hongthienmy@vnn.vn

QUE THỬ PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU Mission®

Mission®

ĐƠN GIẢN VÀ CHÍNH XÁC

- Độ nhạy que thử hơn hẳn các sản phẩm cùng loại trên thị trường
- Que thử lên màu sắc nét giúp cho đọc kết quả đạt độ chính xác cao (kể cả đọc bằng mắt thường)

ĐỌC KẾT QUẢ LINH HOẠT

- Đọc kết quả dễ dàng bằng máy hoặc bằng mắt thường (với bảng màu)
- Trên 30 loại que thử với các kiểu tích hợp thông số khác nhau theo nhu cầu

ĐÓNG GÓI ĐA DẠNG, ĐỘC ĐÁO

- Đóng gói trong lọ nhựa:
  - Đóng gói 25, 50, 100 hoặc 150 que trong 1 lọ kín. Hạn dùng 2 năm khi còn bảo quản và 3 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng (mở lọ)
- Đóng gói độc đáo trong túi nhôm kín:
  - Đóng gói mỗi que thử trong một túi nhôm kín, hạn dùng que thử là 2 năm. Bộ sản phẩm bao gồm 1, 3, 6 hoặc 20 que kèm 1 bảng màu để so sánh và đọc kết quả (nếu đọc bằng mắt)
  - Đóng gói 25 que thử trong một túi nhôm kín, tận dụng lọ đã hết que thử để bảo quản. Hạn dùng là 3 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng (mở túi)

Bước 1: Nhúng que thử vào mẫu nước tiểu

Bước 2: Gạt bỏ nước tiểu thừa trên que thử

Bước 3: Đọc kết quả bằng máy hoặc bằng mắt

Mã sản phẩm	Số thông số/que thử	Loại que thử◇		Số lượng◆ que thử /lọ	Khả năng▲ đóng gói riêng lẻ	Đọc được cả bằng mắt và bằng máy	Đọc bằng máy: Loại que chuẩn (S) Loại tùy chọn (A)	Các thông số nước tiểu										
		Đọc bằng mắt	Đọc bằng máy (U120/U500)					ASC	GLU	BIL	KET	SG	BLO	pH	PRO	URO	NIT	LEU
U031-111	11	11A		100	✓	✓	S	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*
U031-101	10	10U		100	✓	✓	S		*	*	*	*	*	*	*	*	*	*
		10A				✓	A	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	
U031-091	9	9U		100	✓	✓	A		*	*	*	*	*	*	*	*	*	
U031-081	8	8U		100	✓	✓	A		*	*	*		*	*	*	*	*	
		8N				✓			*		*	*	*	*	*		*	*
		8S				✓			*			*	*	*	*	*	*	*
U031-071	7	7N		100	✓	✓	A		*		*		*	*	*		*	*
U031-061	6	6N	6NE	100	✓	✓	A		*				*	*	*		*	*
		6U	6UE			✓				*		*	*		*	*	*	
U031-051	5	5B	5BE	100	✓	✓	S		*		*		*	*	*			
		5N	5NE			✓	A		*				*		*		*	*
		5S	5SE			✓			*			*	*	*	*			
		5U	5UE			✓				*			*			*	*	*
U031-041	4	4S	4SE	100	✓	✓	S		*			*		*	*			
		4B	4BE			✓	A		*				*	*	*			
		4K	4KE			✓			*		*			*	*			
		4G	4GE			✓			*				*		*			*
		4N	4NE			✓							*		*		*	*
U031-031	3	3P	3PE	100	✓	✓	A		*					*	*			
		3K	3KE			✓			*		*				*			
		3G	3GE			✓			*		*			*				
		3N	3NE			✓							*				*	*
U031-021	2	2G	2GE	100	✓	✓	A		*						*			
		2K	2KE			✓				*						*		
		2N	2NE			✓							*					*
		2B	2BE			✓			*		*							
		2U	2UE			✓											*	*
		2S	2SE			✓						*		*				
U031-011	1	1B	1BE	100	✓	✓	A						*					
		1P	1PE			✓								*				
		1G	1GE			✓			*									
		1K	1KE			✓					*							
		1R	1RE			✓									*			

Loại que thử◇: Kích thước chuẩn của các loại que thử là 5mmx110mm

Số lượng que thử/lọ◆: Khả năng tùy chọn quy cách khác nhau là 25, 50 hoặc 150 que thử/lọ

Khả năng đóng gói riêng lẻ▲: Khả năng tùy chọn quy cách đóng gói đặc biệt: mỗi que thử trong một túi nhôm riêng hoặc 25 que thử trong một túi nhôm (tận dụng hộp đã hết que thử để bảo quản)

CE Marked for sale in the European Community
Cleared for US 510(k)

CE

Sản phẩm đạt chuẩn và lưu hành tại Cộng Đồng Chung Châu Âu
Sản phẩm đạt chuẩn và lưu hành tại Mỹ